

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 22

CÔNG TY
KIỂM TOÁN
THÁI B
PH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 6100187306 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 07 tháng 12 năm 2021.

Vốn điều lệ: 9.730.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Plei Kần, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260 3832132

Mã số thuế: 6100187306

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

- Ông Trần Ngọc Thanh Vũ	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Ngô Tùng Khoa	Phó Giám đốc
- Ông Lương Quốc Thế	Kiểm soát viên
- Ông Lê Văn Khương	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển rừng.
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 08 tháng 03 năm 2025

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc



Số 045./2025/BCKITTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày cụ thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2023-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2023-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.170.349.170	12.494.219.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.372.543.581	3.910.118.981
1. Tiền	111	V.01	1.372.543.581	410.118.981
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.886.935.167	4.873.094.109
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	5.521.261.667	4.227.915.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	100.000.000	162.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	156.509.588	308.435.910
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(100.000.000)	(200.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05b	209.163.912	374.743.199
IV. Hàng tồn kho	140		697.831.314	688.977.755
1. Hàng tồn kho	141	V.06	697.831.314	688.977.755
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.039.108	522.028.785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	59.959.289	276.380.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.12a	153.079.819	245.648.785
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.148.243.865	5.743.047.420
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.724.213.042	3.868.487.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.724.213.042	3.868.487.752
Nguyên giá	222		6.807.492.125	5.044.278.473
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.083.279.083)	(1.175.790.721)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		841.886.693	1.154.734.082
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	841.886.693	1.154.734.082
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		582.144.130	719.825.586
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	582.144.130	719.825.586
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		17.318.593.035	18.237.267.050

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

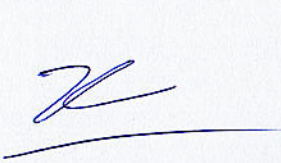
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

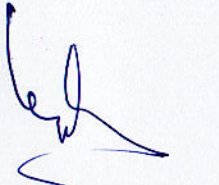
Đơn vị tính: VND

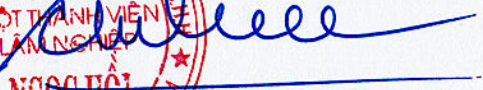
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		4.927.429.780	5.990.307.372
I. Nợ ngắn hạn	310		4.927.429.780	5.990.307.372
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.890.692.134	1.968.889.277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.084.029.176	2.987.348.928
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	103.032	681.604
4. Phải trả người lao động	314	V.13	565.107.434	548.651.320
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	61.059.224	50.897.897
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	326.438.780	433.838.346
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.391.163.255	12.246.959.678
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	10.172.328.532	10.152.591.708
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.277.137.829	8.277.137.829
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.299.438	112.562.614
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.762.891.265	1.762.891.265
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	2.218.834.723	2.094.367.970
1. Nguồn kinh phí	431		639.964.693	515.497.940
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.578.870.030	1.578.870.030
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.318.593.035	18.237.267.050

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 08 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu


Lê Văn Khương
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

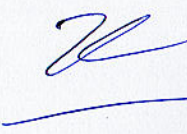
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

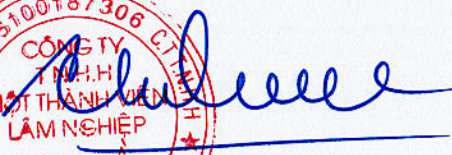
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	12.821.678.769	12.623.618.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.821.678.769	12.623.618.023
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.784.642.621	1.905.034.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.037.036.148	10.718.583.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	86.915.516	284.287.068
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	11.187.634.234	10.358.548.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.682.570)	644.321.690
11. Thu nhập khác	31	VI.05	471.602.000	142.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.06	200.940.866	516.494.737
13. Lợi nhuận khác	40		270.661.134	(374.494.737)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		206.978.564	269.826.953
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	74.679.126	157.264.339
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		132.299.438	112.562.614

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 08 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Thị Mỹ Sinh
 Người lập biểu


Lê Văn Khương
 Kế toán trưởng


Trần Ngọc Thanh Vũ
 Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2024	NĂM 2023
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.965.477.028	13.685.467.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.948.243.543)	(3.820.603.051)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.732.844.362)	(5.002.162.752)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(543.067.220)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		369.735.199	9.209.566.164
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.691.699.722)	(13.851.970.843)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(3.037.575.400)	(322.769.707)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.500.000.000)	(22.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	19.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.500.000.000	(2.500.000.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(537.575.400)	(2.822.769.707)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.910.118.981	6.732.888.688
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.372.543.581	3.910.118.981

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 08 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu

Lê Văn Khương
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 6100187306 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 07 tháng 12 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV

- Vốn điều lệ: 9.730.000.000 đồng

Trụ sở đặt tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Plei Kần, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lâm nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển rừng.
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lao động thực tế tại ngày 31/12/2024 là 47 người.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị không có Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Thực tế đích danh

c. *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
- Tiền mặt tại quỹ	2.360.721	32.127.700
Tiền mặt tại quỹ VNĐ	2.360.721	32.127.700
- Tiền gửi ngân hàng VND	1.370.182.860	377.991.281
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	144.301
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.055.794.985	4.470.453
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (TK: 5103201000203)	314.387.875	373.257.475
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (TK: 5103201000204)	-	119.029
- Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	3.500.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	2.000.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	3.372.543.581	3.910.118.981
(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng		
2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2024	01/01/2024
- Tiền gửi có kỳ hạn VND (**)		
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		2.500.000.000
Tổng cộng	-	2.500.000.000

(**) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Phải thu khách hàng		31/12/2024	01/01/2024	
Ngắn hạn				
Kinh phí QLBRV tự nhiên theo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững		5.521.261.667	4.227.915.000	
Tổng cộng		5.521.261.667	4.227.915.000	
4. Trả trước cho người bán		31/12/2024	01/01/2024	
Ngắn hạn				
- Đoàn Thanh Bằng		-	42.000.000	
- Công ty TNHH Ngọc Linh Trang Kon Tum		-	120.000.000	
- Công ty Cổ phần xây dựng Haluta		100.000.000	-	
Tổng cộng		100.000.000	162.000.000	
5. Các khoản phải thu khác		31/12/2024	01/01/2024	
a. Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền lãi dự thu ngân hàng	17.470.938		28.397.260	
- Tạm ứng	39.038.650		80.038.650	
- Công ty Hoàng Kông (**)	100.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Tổng cộng	156.509.588	200.000.000	308.435.910	200.000.000
(**) Đây là khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày ngày 31/12/2022 với số tiền 200.000.000 đồng phải xử lý theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Trong năm 2023 Công ty đã trích lập dự phòng khoản công nợ này vào chi phí khác với số tiền 200.000.000 đồng và năm 2024 CÔNG ty đã xóa nợ 100.000.000 đồng theo kế hoạch được giao.				
b. Tài sản thiếu chờ xử lý (*)		31/12/2024	01/01/2024	
- Chi phí khai thác gỗ các năm và phân bón, vật tư, cây giống		201.277.912	251.295.468	
- Thiệt hại rừng		7.886.000	123.447.731	
Tổng cộng		209.163.912	374.743.199	

(**) Tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31/12/2022 là 610.713.199 đồng. Công ty đã xử lý một phần vào chi phí khác trong năm 2023 với giá trị 235.970.000 đồng và năm 2024 với giá trị 165.579.287 đồng theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí SXKD dở dang				
+ Chi phí trồng rừng sản xuất (3*)	653.825.904		653.825.904	
+ Chi phí SXKD dở dang khác	44.005.410		35.151.851	
Tổng cộng	697.831.314	-	688.977.755	-

(3*) Chi phí trồng rừng sản xuất với số tiền 934.045.904 đồng là giá trị đầu tư trồng rừng trong những năm 1994, 1995, 1996, 2001, 2002, 2003 tại Lâm trường Dục Nông, diện tích đất này đã chuyển giao cho UBND xã Đắk Nông. Trong năm 2023 Công ty đã xử lý một phần vào chi phí khác với giá trị 280.220.000 đồng theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

7. Chi phí trả trước	31/12/2024		01/01/2024	
	Tăng	Giảm		
a. Ngắn hạn				
- Chi phí phân bổ	44.612.922	89.225.844	223.122.922	178.510.000
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	15.346.367	30.692.733	113.216.366	97.870.000
Tổng cộng	59.959.289	119.918.577	336.339.288	276.380.000
b. Dài hạn				
- Chi phí xây dựng phương án QLБVR bền vững	544.279.880	-	90.534.635	634.814.515
- Chi phí phân bổ	20.000.001	-	42.098.571	62.098.572
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	17.864.250	23.819.000	28.867.250	22.912.500
Tổng cộng	582.144.130	23.819.000	161.500.456	719.825.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
- Trồng rừng thay thế	639.964.693	639.964.693	639.964.693	639.964.693
- Trụ sở nhà làm việc	-	-	497.729.389	497.729.389
- Chốt BV rừng lâm trường Sa Loong	-	-	17.040.000	17.040.000
- Chốt BV rừng dốc Bồ Đội	201.922.000	201.922.000	-	-
Tổng cộng	841.886.693	841.886.693	1.154.734.082	1.154.734.082
10. Phải trả người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
- Hộ nhận khoán QLBNR	835.697.999	835.697.999	869.448.145	869.448.145
- Công ty TNHH Tấn Cường Kon Tum	240.336.096	240.336.096	459.007.836	459.007.836
- Công ty CP May X19	-	-	97.870.000	97.870.000
- Công ty Cổ phần xây dựng Haluta	-	-	124.466.753	124.466.753
- Công ty Cổ phần cơ khí và lắp máy Đại Hân	354.872.000	354.872.000	-	-
- Phan Thị Diệp	103.844.888	103.844.888	-	-
- Các đối tượng khác	355.941.151	355.941.151	418.096.543	418.096.543
Tổng cộng	1.890.692.134	1.890.692.134	1.968.889.277	1.968.889.277
11. Người mua trả tiền trước	31/12/2024		01/01/2024	
<i>Ngắn hạn</i>				
- Quỹ BVPTR Kon Tum			2.084.029.176	2.987.348.928
Tổng cộng			2.084.029.176	2.987.348.928
12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	31/12/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2024
Thuế giá trị gia tăng	(19.966.267)	17.889.840	-	(37.856.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(98.919.556)	74.679.126	-	(173.598.682)
Thuế thu nhập cá nhân	(10.678.207)	-	-	(10.678.207)
Thuế tài nguyên	(193.587)	-	-	(193.587)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	103.032	138.585.686	139.164.258	681.604
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(23.322.202)			(23.322.202)
Tổng cộng	(152.976.787)	236.154.652	144.164.258	(244.967.181)

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Trong đó:				
a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
	31/12/2024			01/01/2024
Thuế giá trị gia tăng	19.966.267			37.856.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.919.556			173.598.682
Thuế thu nhập cá nhân	10.678.207			10.678.207
Thuế tài nguyên	193.587			193.587
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.322.202			23.322.202
Tổng cộng	153.079.819			245.648.785
b. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước				
	31/12/2024			01/01/2024
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	103.032			681.604
Tổng cộng	103.032			681.604
13. Phải trả công nhân viên				
	31/12/2024			01/01/2024
- Phải trả công nhân viên	565.107.434			548.651.320
Tổng cộng	565.107.434			548.651.320
14. Phải trả khác				
	31/12/2024			01/01/2024
Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	14.850.777			7.392.328
- Bảo hiểm xã hội	10.369.564			10.369.507
- Bảo hiểm y tế	3.218.962			3.218.953
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.956.922			16.254.110
- Các khoản phải trả khác	13.662.999			13.662.999
Tổng cộng	61.059.224			50.897.897
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	31/12/2024	Tăng	Giảm	01/01/2024
Quỹ khen thưởng	212.763.569	72.937.569	153.154.000	292.980.000
Quỹ phúc lợi	24.286.211	45.025.045	161.597.180	140.858.346
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	89.389.000	89.389.000	-	-
Tổng cộng	326.438.780	207.351.614	314.751.180	433.838.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2023	8.277.137.829	-	1.762.891.265	10.040.029.094
- Lãi trong năm	-	112.562.614	-	112.562.614
Số dư tại 31/12/2023	8.277.137.829	112.562.614	1.762.891.265	10.152.591.708
- Lãi trong năm	-	132.299.438	-	132.299.438
Trích quỹ khen thưởng, phúc - lợi	-	(112.562.614)	-	(112.562.614)
Số dư tại 31/12/2024	8.277.137.829	132.299.438	1.762.891.265	10.172.328.532



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		31/12/2024	01/01/2024
- Vốn đầu tư của nhà nước (UBND tỉnh Kon Tum)		8.277.137.829	8.277.137.829
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2023	Năm 2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		8.277.137.829	8.277.137.829
Tăng trong năm		-	-
Giảm trong năm		-	-
+ Vốn góp cuối năm		8.277.137.829	8.277.137.829
17. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
a. Nguồn kinh phí trồng rừng thay thế (*)		NĂM 2024	NĂM 2023
- Số dư đầu năm		515.497.940	-
- Tăng trong năm		124.466.753	515.497.940
Nhận vốn trồng rừng thay thế		124.466.753	515.497.940
- Giảm trong năm		-	-
- Số dư cuối năm		639.964.693	515.497.940
(*) Căn cứ quyết định số 309/QĐ-TCLN-QBVPTR ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phương án phân bổ kinh phí trồng rừng thay thế cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi. Trong năm 2024, Công ty đã ghi nhận nguồn kinh phí với tổng giá trị là 124.466.753 đồng.			
b. Nguồn kinh phí quản lý bảo vệ rừng (**)			
(**) Trong năm, Công ty ghi nhận nguồn kinh phí sự nghiệp theo Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Sở Tài chính tỉnh Kon Tum cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024 tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi tương ứng với số tiền 4.237.000.000 đồng.			
Tổng hợp quyết toán kinh phí quản lý bảo vệ rừng tự nhiên dừng khai thác thực hiện theo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024			
		Kế hoạch	Thực hiện
- Tổng diện tích rừng tự nhiên tạm dừng khai thác được nghiệm thu, quyết toán		14.119,82 ha	14.117 ha
+ Nguồn kinh phí		4.237.060.000	4.237.000.000
- Kinh phí năm trước chuyển sang		-	-
- Kinh phí được quyết toán trong năm		5.530.262.833	5.529.236.667
- Kinh phí thừa thiếu chuyển sang năm sau		(1.293.202.833)	(1.292.236.667)
+ Chi tiết quyết toán kinh phí		5.530.262.833	5.529.236.667
- Tiền lương, tiền công (Cho đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp khi dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên)		3.065.286.314	3.069.120.382
- Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN		544.634.767	544.634.767
- Chi phí quản lý		719.591.752	718.348.670
- Chi phí bảo vệ rừng		985.250.000	982.585.060
- Chi phí PCCCR		196.500.000	195.344.888
- Chi phí khác		19.000.000	19.202.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

c. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		NĂM 2024	NĂM 2023
- Số dư đầu năm		1.578.870.030	1.578.870.030
- Tăng trong năm		-	-
- Giảm trong năm		-	-
- Số dư cuối năm		1.578.870.030	1.578.870.030
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.			
		NĂM 2024	NĂM 2023
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)		12.821.678.769	12.623.618.023
trong đó:			
- Doanh thu dịch vụ môi trường rừng		7.292.442.102	8.386.562.023
- Doanh thu QLBNR		5.529.236.667	4.237.056.000
- Doanh thu hợp tác kinh doanh tole lợp		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.821.678.769	12.623.618.023
2. Giá vốn hàng bán		NĂM 2024	NĂM 2023
Giá vốn		1.784.642.621	1.905.034.497
Tổng cộng		1.784.642.621	1.905.034.497
3. Doanh thu hoạt động tài chính		NĂM 2024	NĂM 2023
Lãi tiền gửi		69.444.578	255.889.808
Lãi dự thu		17.470.938	28.397.260
Tổng cộng		86.915.516	284.287.068
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		NĂM 2024	NĂM 2023
Chi phí quản lý (642.CĐ)		223.464.698	3.271.019.861
Chi phí nhân viên quản lý		7.401.616.885	3.254.271.856
Chi phí đồ dùng văn phòng		429.632.861	311.175.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định		230.587.362	177.721.656
Thuế, phí và lệ phí		175.166.224	49.352.480
Chi phí dự phòng		-	200.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		682.889.692	872.052.287
Chi phí bằng tiền khác		2.044.276.512	2.222.954.907
Tổng cộng		11.187.634.234	10.358.548.904
5. Thu nhập khác		NĂM 2024	NĂM 2023
Nhận kinh phí hỗ trợ bảo hiểm đối với Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số		247.300.000	142.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản		223.623.000	-
Thu nhập khác		679.000	-
Tổng cộng		471.602.000	142.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Chi phí khác	NĂM 2024	NĂM 2023
Thiệt hại rừng và tài sản thiếu chờ xử lý	165.579.287	235.970.000
Xử lý các tồn tại về chi phí trồng rừng sản xuất	-	280.220.000
Chi phí thanh lý tài sản	34.523.800	-
Chi phí khác	837.779	304.737
Tổng cộng	200.940.866	516.494.737
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	NĂM 2024	NĂM 2023
Lợi nhuận kế toán trước thuế	206.978.564	269.826.953
Cộng các khoản chi phí không được trừ	166.417.066	516.494.742
Thu nhập tính thuế	373.395.630	786.321.695
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tiền thuế TNDN	74.679.126	157.264.339
Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.679.126	157.264.339
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	NĂM 2024	NĂM 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	429.632.861	311.175.857
Chi phí nhân công, nhân viên	7.625.081.583	6.525.291.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.587.362	177.721.656
Chi phí thuế, phí và lệ phí	175.166.224	49.352.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.889.692	2.777.086.784
Chi phí khác bằng tiền	3.828.919.133	2.422.954.907
Tổng cộng	12.972.276.855	12.263.583.401

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Trần Ngọc Thanh Vũ	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Ngô Tùng Khoa	Phó Giám đốc
- Ông Lương Quốc Thế	Kiểm soát viên
- Ông Lê Văn Khương	Kế toán trưởng

3. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

	NĂM 2024	NĂM 2023
Thu nhập	1.108.900.002	1.021.489.555

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm 2024 là số liệu cuối năm 2023 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có sự kiện hoặc điều kiện nào có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

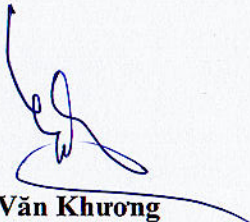
6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2024 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 08 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu



Lê Văn Khương
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc

